TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2021
"*Về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đức Tùng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Bích**.

2. Bà **Dương Thị Ninh**.

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông **Vũ Mạnh Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21/10/2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. *(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Bàng Văn T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. *(Anh T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàng Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 31/3/2014 tại UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc bình thường cùng nhau tại thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang,

đến đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa chị với anh T không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, không quan tâm và tin tưởng nhau trong cuộc sống, thi thoảng anh T có đánh chị vài lần nhưng chị chưa báo cáo thôn T 1 và UBND xã T giải quyết lần nào. Thực tế chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2020 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau nữa.

Hiện nay chị đang đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, còn anh T là lao động tự do thường xuyên đi làm xa ít có thời gian về thăm con và gia đình. Chị đã nhiều lần nói chuyện trực tiếp với anh T về việc chị làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang để giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T. Anh T cũng xác định không còn tình cảm với chị và nhất trí thuận tình ly hôn nhưng anh T nói tùy ý kiến của chị, muốn giải quyết ly hôn như thế nào thì làm, anh T không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Mỗi lần về thăm con và gia đình, chị đã trực tiếp nói chuyện bảo anh T đến Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T nói không đến, anh T cũng thường xuyên đi làm xa nhà, chị có hỏi địa chỉ cụ thể hiện nay anh T đang đi làm gì và ở đâu thì anh T chỉ nói đang đi làm ăn xa mà không nói cho chị biết là làm công việc gì và địa chỉ cụ thể ở đâu. Do anh T cũng không sử dụng điện thoại nên từ tháng 4/2020 khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị không gọi điện được cho anh T để nói chuyện dẫn đến vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa.

Chị T cam đoan và xác định chị đã thông báo cho anh T biết việc chị nộp đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án, anh T đã biết nhưng nói không đến Tòa án làm việc, đồng thời anh T cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi làm việc hiện nay của mình không cho chị biết để cung cấp cho Tòa án. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh T đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dậy con cái. Chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàng Văn T theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung là cháu Bàng Xuân T, sinh ngày 23/11/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu T vẫn sinh sống cùng bà nội (mẹ đẻ anh T) và anh T. Khi giải quyết ly hôn, chị nhất trí để anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Bàng Xuân T. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Chị và anh T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 và các văn bản tố tụng khác cho anh Bàng Văn T, báo gọi anh T nhiều lần đến giải quyết vụ án nhưng anh T đều không có mặt tại địa phương, không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nêu trên theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương thôn T 1, xã T cung cấp thông tin: Hiện nay anh Bàng Văn T là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị T và anh T được tự do tìm hiểu và có đăng kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống giữa chị T và anh T thời gian đầu hạnh phúc bình thường, đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới về địa phương thăm gia đình, địa chỉ cụ thể ở đâu, số điện thoại như thế nào thì địa phương không biết (theo người nhà cung cấp thì anh T không sử dụng điện thoại). Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh T, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo nội dung lời khai của bà Lã Thị B - là mẹ đẻ của anh Bàng Văn T xác định: Chị T và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị T và anh T chung sống cùng một nhà với bà từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2020, mỗi người một công việc không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chị T đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh ít khi về thăm con và gia đình. Anh T cũng đi làm ăn xa thi thoảng mới về thăm gia đình xong lại đi làm luôn. Bà Lã Thị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T và anh T là cháu Bàng Xuân T, sinh ngày 23/11/2015. Bà B có mong muốn, nguyện vọng để bà và anh T tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàng Xuân T. Vì cuộc sống của cháu T vẫn được bảo đảm về tinh thần, vật chất và được ăn học đầy đủ khi ở cùng bà. Đồng thời bà B cũng xác định: Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị T với anh T, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi cho bà nhờ bà giao lại cho anh T biết nội dung. Thỉnh

thoảng anh T đi làm về thăm nhà, bà đã thông báo lại cho anh T biết việc chị T đã gửi đơn ly hôn với anh T đến Tòa án giải quyết. Anh T đã biết việc chị T gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng anh T nói không về giải quyết, tùy ý kiến của chị T muốn giải quyết như thế nào thì tùy chị. Nếu chị T cương quyết nộp đơn xin ly hôn với anh thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Anh T cũng không nói cho bà biết địa chỉ cụ thể hiện nay anh đang ở đâu và làm gì, vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chị Vũ Thị T chấp hành các quy định pháp luật tốt; đối với bị đơn anh Bàng Văn T đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định pháp luật. Vì anh T không cho chị Vũ Thị T và mẹ đẻ là bà Lã Thị B biết thông tin địa chỉ cụ thể nơi ở hiện tại nên chị T và bà B không cung cấp để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Vì vậy có thể xác định anh T đã cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện tại của mình, nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm e Khoản 1 Điều 192; các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Bàng Văn T;

- Về con chung: Giao cháu Bàng Xuân T, sinh ngày 23/11/2015 cho anh Bàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Vũ Thị T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bàng Văn T số tiền là 2.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng (mỗi tháng nộp một lần). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu Bàng Xuân T đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Vũ Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí:

+ Chị Vũ Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

+ Anh Bàng Văn T không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Vũ Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bàng Văn T nên xác định đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Bàng Văn T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Bàng Văn T tại phiên tòa: Qua xác minh tại gia đình và địa phương nơi anh T đăng ký hộ khẩu thường trú cung cấp. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà, anh T đi làm xa ít khi về thăm gia đình và địa phương. Khi đi làm xa, anh T không thông báo địa chỉ nơi cư trú cho gia đình biết. Gia đình có hỏi địa chỉ cụ thể nhưng anh T chỉ nói là đi làm ăn, không nói cho gia đình biết địa chỉ cụ thể hiện nay anh đang ở đâu, làm gì. Thỉnh thoảng anh T về thăm nhà thì mẹ đẻ anh là bà Lã Thị B đã nói chuyện và giao thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị T xin ly hôn, anh T đã biết nhưng nói không về Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử thông qua chị Vũ Thị T (vợ anh T) và bà Lã Thị B (mẹ đẻ anh T). Những người thân này của anh T đều cam đoan và xác định đã thông báo cho anh T biết Thông báo thụ lý vụ án số 264/2020/TLST ngày 21/10/2020 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh T biết việc chị T nộp đơn ly hôn với anh tại Tòa án, anh T đã biết nhưng không có ý kiến gì và không thông báo lại địa chỉ hiện tại đang cư trú. Như vậy người bị kiện là anh Bàng Văn T đã cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Bàng Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 31/3/2014 tại UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị T và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị T và anh T hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Anh T thường

xuyên đi làm ăn xa nhà thi thoảng mới về nhà một vài ngày xong lại đi làm luôn, chị T cũng đi làm công nhân công ty tại tỉnh Bắc Ninh, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Từ khi anh T đi làm ăn xa, chị T có hỏi địa chỉ cụ thể của anh T hiện nay đang ở đâu và làm gì nhưng anh T không nói cho chị T biết, anh T cũng đã biết và được thông báo nội dung chị T xin ly hôn nhưng anh T không về Tòa án giải quyết. Anh T cũng không nói địa chỉ cụ thể hiện nay anh đang ở đâu và làm gì, anh cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện nay của mình không cho chị T biết để cung cấp cho Tòa án. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã quá căng thẳng, trầm trọng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T không đến Tòa án làm việc nhưng xác định nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị T và xử cho chị T được ly hôn với anh Bàng Văn T.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Bàng Văn T có 01 con chung là cháu Bàng Xuân T, sinh ngày 23/11/2015. Từ tháng 4/2020 vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay, cháu T vẫn ở cùng anh T và bà nội là Lã Thị B. Xét nguyện vọng của các đương sự (Chị T đang đi làm ăn xa, bà Lã Thị B là mẹ đẻ anh T có nguyện vọng để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bàng Xuân T), đồng thời căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của cháu T vẫn đảm bảo cả về tinh thần, vật chất và được học tập đầy đủ khi ở với bố và bà nội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên xử cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Bàng Xuân T. Chị Vũ Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung, mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Bàng Văn T không đến Tòa án làm việc nên không xác định được anh có yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung không. Tuy nhiên do chị Vũ Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bàng Văn T với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng), thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu Bàng Xuân T đủ 18 tuổi trưởng thành. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị Vũ Thị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Vũ Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, đất đai chung, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về vay nợ chung: Chị Vũ Thị T xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điểm e Khoản 1 Điều 192, các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Bàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bàng Xuân T, sinh ngày 23/11/2015 cho anh Bàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Vũ Thị T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bàng Văn T cho cháu Bàng Xuân T số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu Bàng Xuân T đủ 18 tuổi trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng (mỗi tháng nộp một lần). Chị Vũ Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Bàng Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Vũ Thị T chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng chị Vũ Thị T phải nộp số tiền án phí là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002286 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Vũ Thị T còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Anh Bàng Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T và anh Bàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã Thành Long (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Tùng